TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 07/9/2022
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiểu.

2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa:

Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLSTST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị K, sinh năm 1990.

Nơi Đ ký hộ khẩu thường trú: Thôn PhV, xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Chỗ ở hiện nay: Thôn VT, xã NT, huyện T1, tỉnh T2 (chị K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987.

Nơi Đ ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn PhV, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 (anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là chị Đinh Thị K trình bày:

Chị Đinh Thị K và anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987, có địa chỉ: Thôn PhV, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 18/01/2013 được Uỷ ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2 chứng nhận kết hôn. Sau khi Đ ký kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung, chị K và anh Đ có 01 con chung là Phạm Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2014. Hiện nay, con chung đang ở với chị K. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho anh Phạm Văn Đ thông báo thụ lý, thông báo đến phiên công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Đ không đến Tòa án.

Tại Biên bản xác minh ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại gia đình bà Trương Thị Nh1, sinh năm 1953, trú tại thôn PhV, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 (bà Nh1 là mẹ đẻ anh Phạm Văn Đ) trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1987, có địa chỉ: Thôn PhV, xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Theo bà Nh1, anh Đ và chị Đinh Thị K tự nguyện tìm hiểu và Đ ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị K chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Hiện nay, chị K đã về nhà ngoại ở NT sinh sống. Nay chị K có đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình bà Nh1 như sau:

Về hôn nhân, gia đình bà Nh1 theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn, nếu chị K ly hôn thì chị K tự giải quyết.

Về con chung, anh Đ và chị K có 01 con chung là Phạm Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2014. Hiện nay, con chung đang ở với chị K, nếu chị K ly hôn thì bà Nh1 đề nghị giao con cho anh Đ và gia đình nhà nội nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, theo bà Nh1, vợ chồng anh Đ, chị K không có tài sản gì.

Hiện nay anh Phạm Văn Đ đang đi làm ăn, công việc bận và gia đình theo đạo Công giáo nên không lên Tòa án giải quyết. Anh Đ và gia đình cũng nhận được giấy báo và văn bản của Tòa án nhưng từ chối lên Tòa vì gia đình theo đạo.

Tại biên bản xác minh ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở UBND xã NH, huyện T1, ông Vũ Duy T2, Phó Chủ tịch UBND xã và ông Phạm Văn H1, Cán bộ Tư pháp UBND xã NH cung cấp:

Chị Đinh Thị K và anh Phạm Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 18/01/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã Nam Hồng, huyện T1, tỉnh T2. Về con chung, chị K và anh Đ có 01 con chung là Phạm Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2014. Về tài sản chung và nợ chung, đại diện chính quyền địa phương không nắm được cụ thể.

Anh Phạm Văn Đ hiện vẫn có mặt tại địa phương, gia đình anh Phạm Văn Đ theo đạo Công giáo.

Tại phiên công khai chứng cứ, hòa giải lần 01 ngày 06/5/2022 và phiên hòa giải lần 02 ngày 03/8/2022, chị K có mặt, anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Ngày 24/8/2022, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, chị K có mặt, anh Đ không đến phiên

tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào ngày 07/9/2022.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị K có đơn xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Đinh Thị K được ly hôn anh Phạm Văn Đ. Về con chung, giao cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2014; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K; anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Đinh Thị K vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K và anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị Đinh Thị K và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có Đ ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị K cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi Đ ký kết hôn năm 2013, anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh, chị đã sống ly thân từ đó đến nay (2015).

[2.2] Chị K có đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, anh Đ có biết nhưng không đến Tòa án. Tòa án đã tổ chức hòa giải hai lần, anh Đ đều vắng mặt, qua gia đình anh có ý kiến là do theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn, nếu chị K ly hôn thì chị K tự giải quyết. Tại các phiên tòa, anh Đ đều vắng mặt, anh cũng không đưa ra được biện pháp để vợ chồng trở về đoàn tụ; chị K kiên quyết xin ly hôn, bản thân anh Đ và chị K đã sống ly thân từ năm 2015. Như vậy, có thể thấy tình cảm vợ chồng của chị K và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Đinh Thị K được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

[3] Về con chung: Anh Đ, chị K có 01 con chung là Phạm Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2014. Hiện nay, con chung đang ở với chị K. Anh Đ, chị K đều có nguyện vọng được nuôi con chung, tuy nhiên, con chung Phạm Thảo Nh là con gái, có nguyện vọng được ở với mẹ, Hội đồng xét xử xét thấy để tránh ảnh hưởng đến tâm

sinh lý và sự phát triển toàn diện của con chung, cần giao cho chị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thảo Nh. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K; anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đinh Thị K được ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Thảo Nh, sinh ngày 29/10/2014. Anh Phạm Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị K; anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, vấn đề thay đổi nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn là chị Đinh Thị K phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị K đã nộp theo Biên lai số 0002326 ngày 04/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2, chị Đinh Thị K đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã NH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền